

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/ HS-ST
Ngày 24 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Bông và bà Đinh Thị Lưu.

- Thư ký phiên toà: bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/TLST – HS, ngày 23/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST - HS, ngày 14/12/2020 đối với bị cáo:

- **Đặng Đình T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/3/1996 tại xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký HKTT tại và cư trú: bản Ch, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo, Đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông Đặng Đình B, sinh năm 1952 và bà Trần Thị C, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: anh Cầm Văn B, sinh năm 1980 và chị Lương Thị H, sinh năm 1985; trú tại bản L, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21/01/2020 vợ chồng anh Cầm Văn B mua một ti vi nhãn hiệu Sam sung, loại 55 inch màu đen với giá 13.500.000,đ tại cửa hàng điện tử M, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, khi mua ti vi thì có được bảo hành với thời hạn là 02 năm. Đến ngày 14/02/2020 ti vi bị hỏng màn hình, anh

B đã gọi điện cho tổng đài bảo hành Sam sung báo hỏng ti vi, Trung tâm bảo hành Sam sung tại Mộc Châu đã cử Đặng Đình T (là nhân viên của trung tâm) đến gia đình anh B ở bản L, xã T để kiểm tra ti vi, ngày 15/02/2020 T đã đến nhà anh B để kiểm tra ti vi, sau khi đến kiểm tra ti vi, T nói sẽ thông báo kết quả sau và đã đi về Mộc Châu. Đến ngày 19/02/2020 T gọi điện cho anh B nói là “ti vi bị chảy dầu màn hình do tác động chất lỏng vào nên không thuộc trường hợp được bảo hành, nếu thay màn hình dịch vụ sẽ hết 8.000.000,đ”, anh B nghe xong nhưng không đồng ý thay. Do không có tiền chi tiêu nên ngày 05/3/2020 T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh B rồi gọi điện cho anh B với nội dung T sẽ mua màn hình ti vi giúp anh B với số tiền 2.500.000,đ do T có bạn làm tại Trung tâm bảo hành Sam sung tỉnh Hòa Bình và anh B đã đồng ý, T yêu cầu anh B chuyển số tiền 2.500.000,đ vào số tài khoản của anh Nguyễn Đức Du, sinh năm 1987, trú tại thôn Miêng Thượng, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội (là bạn của làm cùng Trung tâm bảo hành Sam sung Mộc Châu), anh B đã nhờ người quen chuyển số tiền vào tài khoản như T đã giới thiệu theo yêu cầu của T. Đến ngày 11/3/2020 vì cần tiền chi tiêu và sợ anh B đòi lại số tiền nên T đã nói dối là đã mua được màn hình ti vi để thay nhưng do sợ gửi màn hình sang sẽ bị vỡ nên T đã yêu cầu anh B gửi ti vi qua xe khách sang Mộc Châu để T thay trực tiếp, anh B tin tưởng nên đã gửi ti vi sang cho T, sau khi nhận được ti vi của anh B gửi, T không sửa cho ti vi cho anh B mà để tại phòng trọ tại huyện Mộc Châu, đến ngày 01/5/2020 sau khi nghỉ việc tại Trung tâm bảo hành Sam sung Mộc Châu, T đã bán chiếc ti vi cho anh Nguyễn Đức D với giá 2.700.000,đ. Số tiền bán ti vi và số tiền anh B chuyển cho T 2.500.000,đ thì T đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi chuyển tiền và gửi ti vi cho T, không thấy T chuyển trả lại ti vi nên anh B đã gọi điện nhiều lần để đòi nhưng T không trả lại, ngày 21/9/2020 anh B đã có đơn tố giác hành vi của T tới cơ quan công an huyện Phù Yên.

Ngày 05/10/2020 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên đã yêu cầu định giá tài sản số 20/YC-CQCSĐT-ĐTTH đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện Phù Yên tiến hành định giá với nội dung: “Xác định giá trị của 01 (Một) chiếc ti vi nhãn hiệu Sam sung, mã UA55NU7090KXXV, số thứ tự 06DR3NNM902599L, loại 55 inch, màu đen, đã bị hỏng màn hình tại thời điểm bị chiếm đoạt”.

Tại kết luận định giá tài sản số 20/KL - HĐĐGTS, ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La kết luận: 01 (Một) chiếc ti vi nhãn hiệu Sam sung, mã UA55NU7090KXXV, số thứ tự 06DR3NNM902599L, loại 55 inch, màu đen, đã bị hỏng màn hình có giá trị là 4.450.000,đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, ngày 30/9/2020 bị cáo Đặng Đình T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho vợ chồng anh bằng tổng giá trị chiếc ti vi và số tiền 2.500.000,đ là 10.000.000,đ, vợ chồng anh B đã nhận đủ số tiền và không có

yêu cầu bồi thường gì thêm và có đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đặng Đình T.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 78/CT - VKS, ngày 22/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị cáo Đặng Đình T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Đình T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đặng Đình T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Giao bị cáo T cho UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại anh Cầm Văn B và chị Lương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên toà (tổng đạt trực tiếp) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Đặng Đình T đã có hành vi, thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh B, chị H một chiếc ti vi có

trị giá tại thời điểm định giá là 4.450.000,đ và số tiền 2.500.000,đ, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 6.950.000,đ.

Xét tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Đơn trình báo của anh Cầm Văn B; Kết luận định giá số 20/KL - HĐĐGTS, ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Các tài liệu và lời khai nhận tội của bị cáo; Lời khai, tài liệu của người bị hại; Lời khai của những người liên quan (anh Nguyễn Đức D, chị Vi Thị H) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Đặng Đình T đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Đặng Đình T thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản có trị giá 6.950.000,đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) của vợ chồng anh B, đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt đến 03 năm tù, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Đình T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 2.500.000,đ, sau đó lại tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc ti vi trị giá 4.450.000,đ là tình tiết phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động, không chịu khó tu chí làm ăn, lao động, phạm tội với lỗi cố ý do đó cần xử phạt bị cáo hình phạt với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000,đ, người bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với anh Nguyễn Đức D là người đã cho bị cáo T mượn tài khoản để nhận tiền và đã mua chiếc ti vi hồng do bị cáo T bán, quá trình điều tra, xác minh anh D không biết việc bị cáo T mượn tài khoản của mình để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như không biết nguồn gốc chiếc ti vi là do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Việc anh D mua chiếc ti vi hồng là ngay thẳng, sau khi mua được chiếc ti vi hồng anh D đã sửa chữa và bán lại cho người khác (không biết họ, tên, địa chỉ) do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Do hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH

Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 điều 174; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Đình T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 12 năm 2020).

Giao bị cáo Đặng Đình T cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Đặng Đình T phải chịu 200.000,đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/12/2020). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS Phù Yên;
- THAHS;
- Công an huyện Phù Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND xã C, TP Sơn La;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lương Anh